TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN HẢI** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26-03-2025
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phan Văn Tịnh.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đặng Tùng Long
2. Bà Hoàng Thị Hường
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Viết Hạnh - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 26 tháng 03 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc: "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: ấp AP, xã ND, huyện KH, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Ngô Văn L, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp AP, xã ND, huyện KH, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Bà M với ông L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 đến năm 2022 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do cuộc sống không hợp nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cải nhau, dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Quá trình chung sống với nhau không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và cũng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Ngô Văn L vắng mặt nên không có lời trình bày.

3. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau: Đơn xác nhận tình trạng hôn nhân; Bản tự khai của bà M.

Bị đơn ông Ngô Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà M với ông L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 đến năm 2022 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do cuộc sống không hợp nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cải nhau, dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần tống đạt văn bản ở địa phương nhưng không gặp được ông L, đều đó cho thấy ông L cũng không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng. Thấy rằng, bà M với ông L chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2005, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Đến năm 2022 thì ly thân nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông L.

[2] Xét về quyền nuôi con chung: Bà M và ông L chung sống không có con chung nên không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Xét thấy bà Lê Thị M trên 60 tuổi, thuộc diện người cao tuổi, thuộc đối tượng miễn án phí theo quy định. Tại phiên tòa bà M có yêu cầu xin được miễn án được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004227 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Áp dụng các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Lê Thị M với ông Ngô Văn L.

2. Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Xét thấy bà Lê Thị M trên 60 tuổi, thuộc diện người cao tuổi, thuộc đối tượng miễn án phí theo quy định. Tại phiên tòa bà M có yêu cầu xin được miễn án được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004227 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản ản được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Các Điều 7a,7b Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Kiên Hải;*
- *Chi cục THADS Kiên Hải;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Tịnh